

Số: 479 /QĐ-ĐHKT-TH

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chiến lược phát triển

Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2035

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 181/CP ngày 17/9/1969 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc HN;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020”.

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-BXD ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-ĐHKT-TH ngày 23/4/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội giai đoạn 2011-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chiến lược phát triển Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2035”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Tổng hợp, Phòng Tài chính - Kế toán và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu VT, TH, TĐ.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS.KTS. Lê Xuân

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI
GIAI ĐOẠN 2020-2025, TẦM NHÌN 2035

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do xây dựng Chiến lược

Đất nước ta đang trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, tăng cường hội nhập và phát triển trên bình diện thế giới. Tình hình kinh tế xã hội tiếp tục gặp nhiều khó khăn; giáo dục đại học đang đứng trước những thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen.

Xây dựng cơ sở đào tạo đạt đẳng cấp quốc tế là mục tiêu hướng tới của mỗi trường đại học trong kỷ nguyên toàn cầu hoá để khẳng định vai trò, vị thế, thương hiệu, tiếp cận thị trường đào tạo và nghiên cứu khoa học trong cơ chế thị trường nhằm đạt hiệu quả đầu tư và phục vụ đất nước cao nhất.

Với những thành tích đã đạt được trong Đào tạo và Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội cần xây dựng chiến lược phát triển đồng bộ trong giai đoạn tới nhằm phát huy truyền thống đào tạo hơn 60 năm về các lĩnh vực Kiến trúc, Quy hoạch, Xây dựng, Kỹ thuật hạ tầng, Quản lý đô thị, Thiết kế thời trang, Điêu khắc, Công nghệ thông tin...; đồng thời bắt kịp sự phát triển công nghệ và nhu cầu xã hội.

2. Mục tiêu xây dựng Chiến lược

Xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2035 về các mặt: Đào tạo; nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ; hợp tác trong nước và quốc tế; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và nguồn lực nhằm giữ vững vị trí hàng đầu về đào tạo kiến

trúc sư, cử nhân thiết kế đồ họa, thiết kế nội thất,...; là trung tâm đào tạo bậc đại học và sau đại học có uy tín trong nước, khu vực và thế giới, trung tâm khoa học công nghệ các chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch, mỹ thuật ứng dụng, đô thị và xây dựng.

3. Nhiệm vụ xây dựng Chiến lược

Đánh giá thực trạng, phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, các cơ hội và thách thức về các mặt hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ.

Định hướng đổi mới các mặt hoạt động, tập trung vào công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ để từng bước đáp ứng các nhu cầu phát triển xã hội và hội nhập quốc tế.

Đề xuất nội dung và giải pháp tổng thể phát triển Nhà trường trên các mặt công tác theo định hướng và kế hoạch, lộ trình triển khai thực hiện.

PHẦN NỘI DUNG

I. SỨ MẠNG, TÂM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Sứ mạng

Đại học Kiến trúc Hà Nội là trường đại học hàng đầu của Việt Nam trong công tác đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật các ngành Kiến trúc, Quy hoạch, Xây dựng, Kỹ thuật hạ tầng, Quản lý đô thị, Mỹ thuật ứng dụng, Công nghệ thông tin và các lĩnh vực khác. Là nơi cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ xây dựng và phát triển đất nước theo hướng hội nhập quốc tế.

2. Tâm nhìn

Xây dựng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, hội nhập, có bản sắc, lấy giá trị cơ bản của con người làm nền tảng cho sự phát triển bền vững.

3. Giá trị cốt lõi

Chất lượng cao - Sáng tạo - Tiên phong - Tích hợp - Trách nhiệm - Phát triển bền vững.

- Giảng viên, viên chức, học viên, sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội luôn luôn tự hào, ý thức đầy đủ trách nhiệm kế thừa và phát huy truyền thống trên 50 năm xây dựng và phát triển của Nhà trường;

- Giảng viên, viên chức Nhà trường tự hào vì được góp phần quan trọng trong đào tạo đội ngũ Kiến trúc sư, Kỹ sư, Cử nhân, Nhà khoa học có đức có tài, nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ;

- Được học tập, rèn luyện tại cái nôi đào tạo Kiến trúc sư danh tiếng ở cả trong và ngoài nước là động lực thúc đẩy sinh viên, học viên liên tục phấn đấu đạt chất lượng tốt nhất, có năng lực để phát triển lâu dài, bền vững;

- Với niềm vinh dự và tự hào được làm việc, học tập dưới mái Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội; các thế hệ giảng viên, viên chức, học viên, sinh viên Nhà trường nỗ lực phấn đấu góp phần nâng cao vị thế của một Trường Đại học trọng điểm về đào tạo Kiến trúc sư, Kỹ sư, Cử nhân ngành Xây dựng theo tinh thần **“Chất lượng cao - Sáng tạo - Tiên phong - Tích hợp - Trách**

nhiệm - Phát triển bền vững”; được lãnh đạo ngành Xây dựng, lãnh đạo Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận, đánh giá cao.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC

1. Mục tiêu

- Xây dựng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội trở thành trường đại học định hướng ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, hội nhập, bản sắc, lấy giá trị cơ bản của con người làm nền tảng cho sự phát triển bền vững.

- Hoàn thiện mô hình tự chủ tiến tới tự chủ một cách toàn diện.

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế: công khai Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo; Công khai Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

- Đa dạng hóa các phương thức hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ, tài chính...

- Củng cố và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Chọn lọc và phát triển một số ngành mũi nhọn.

- Đẩy mạnh công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

2. Nhiệm vụ

2.1. Chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực đến năm 2025

2.1.1. Về tổ chức mô hình tổ chức đào tạo

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của các đơn vị và toàn trường; chú trọng đến cơ cấu tổ chức của các khoa, bộ môn mới và biên chế cho các ngành học; thành lập thêm các Khoa; tiến tới tổ chức khối đào tạo theo hướng phù hợp với mô hình University theo thông lệ quốc tế với cấu trúc đổi mới là các trường (School).

2.1.2. Về đào tạo

2.1.2.1. Đào tạo hệ đại học

Ôn định quy mô đào tạo như quy mô hiện nay đối với hệ đào tạo đại học chính quy dài hạn (khoảng 2250 sinh viên tuyển sinh mới hàng năm) đối với 20 chuyên ngành.

Nghiên cứu mở rộng thêm 03-05 mã ngành mới đáp ứng yêu cầu phát triển của khối ngành học và yêu cầu xã hội. Ưu tiên các chuyên ngành gần với các ngành truyền thống và đang có thế mạnh như: Kiến trúc nội thất; Mỹ thuật đô thị; Công nghệ đa phương tiện; Quản lý bất động sản; Quản lý dự án xây dựng; Thiết kế đô thị;...

Đa dạng hóa các loại hình đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội.

Trong trường hợp Nhà trường mở mới một số mã ngành được nghiên cứu dự kiến ở trên; với 02-03 chuyên ngành mới Nhà trường dự kiến số lượng tuyển sinh tăng thêm từ 350-500 sinh viên/ năm học, đưa số lượng tuyển sinh hàng năm của Nhà trường lên 2600-2750 sinh viên/ năm.

2.1.2.2. Đào tạo sau đại học

Giữ ổn định quy mô đào tạo hiện nay với chỉ tiêu tuyển sinh khoảng 350 học viên cao học và 30 nghiên cứu sinh hàng năm đối với các chuyên ngành đang đào tạo.

Nghiên cứu, phấn đấu để có lộ trình mở mới một số mã ngành đào tạo sau đại học. Với 02 mã ngành học mới được nghiên cứu cho giai đoạn trước dự kiến số lượng tăng thêm 120 học viên/ năm học đối với đào tạo Thạc sỹ và 10 Tiến sỹ.

2.1.3. Người học

Trong quá trình học tập, người học luôn được Nhà trường tạo điều kiện, đảm bảo mọi yếu tố của môi trường học tập, nghiên cứu, hoạt động ngoại khóa ở mức tốt nhất.

Đảm bảo 100% sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra theo các ngành đào tạo.

Tối thiểu 80% sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo sau 1 năm kể từ ngày tốt nghiệp.

Tối thiểu 80% sinh viên năm cuối hài lòng về chương trình đào tạo, môi trường học tập và nghiên cứu khoa học,

2.1.4. Về xây dựng đội ngũ

Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, tiến tới xây dựng cơ cấu hợp lý, linh hoạt, phát huy cao nhất năng suất và hiệu quả lao động của các bộ phận chức

năng, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và đòi hỏi đa dạng của thị trường nhân lực xây dựng. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến đội ngũ giảng dạy, đảm bảo cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu phù hợp, cụ thể:

- Tổng số giảng viên: 600 giảng viên.
- Bảo đảm tỷ lệ:
 - + Đối với khối ngành II (Thiết kế đồ họa, thiết kế thời trang, điêu khắc): 08-10 sinh viên / 1 giảng viên.
 - + Đối với khối ngành V: 15 - 18 sinh viên / 1 giảng viên.
- Trình độ trên đại học: 100% (TS 35%)
- Giáo sư, PGS: 10%
- Giảng viên cao cấp, GV chính: 40%
- Số CBGD sử dụng tốt ngoại ngữ trong chuyên môn: 90%
- Số GV giảng dạy được bằng tiếng nước ngoài: 30%

Theo chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2025, tất cả các bộ môn phải có cán bộ có trình độ cao để có khả năng phát huy và nâng cao vai trò của các bộ môn trong cả 3 lĩnh vực: Đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Đối với các bộ môn chuyên ngành, chủ nhiệm bộ môn phải có học vị TS, có chức danh GS, PGS.

Hoàn thành đề án vị trí việc làm của trường.

2.1.5. Về Khoa học công nghệ

Nghiên cứu khoa học (NCKH) theo chuẩn và trình độ quốc tế. Cung cấp các dịch vụ khoa học chuyên gia chất xám. Số lượng, chất lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được nâng cao.

Xây dựng cơ chế và quy định chi tiết cho cán bộ nghiên cứu, các nhóm nghiên cứu mạnh (có ràng buộc trách nhiệm).

Nâng cao chất lượng tạp chí kiến trúc - Xây dựng trở thành tạp chí có uy tín cao đặt lộ trình vào hệ thống SCOPUS.

Một số chỉ tiêu phát triển khoa học và công nghệ:

- Đề tài khoa học quốc tế: 1-2 đề tài/ năm.

- Đề tài khoa học, dự án sự nghiệp kinh tế cấp Bộ, ngành, thành phố: 7-10 nhiệm vụ/ năm.

- Đề tài cấp trường: 40-50 đề tài/ năm.

- Biên soạn tài liệu giảng dạy, dịch sách chuyên ngành: 15-18 tài liệu/ năm.

- Đề tài khoa học sinh viên: 80-100 đề tài/ năm.

- Số lượng bài báo khoa học đăng Tạp chí Khoa học Kiến trúc - Xây dựng hoặc các bài báo trong nước, nước ngoài: 100-150 bài/ năm; trong đó có khoảng từ 8 - 10% bài báo công bố quốc tế.

2.1.6. Về hợp tác quốc tế

- Quốc tế hóa hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường, nâng cao vị thế của Nhà trường trong khu vực và thế giới.

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ, giảng viên, đào tạo, nâng cao trình độ giảng viên, cán bộ thông qua các dự án nâng cao năng lực quốc tế và đào tạo giảng viên.

- Đẩy mạnh hợp tác với các đối tác truyền thống; củng cố vận hành và phát huy vai trò của chương trình hợp tác liên thông đại học - thạc sỹ - tiến sỹ (LMD); tăng cường quảng bá dưới nhiều hình thức nhằm quảng bá, giới thiệu hình ảnh, chất lượng đào tạo của Nhà trường.

- Thúc đẩy việc xây dựng các dự án quốc tế về nghiên cứu khoa học, sản xuất và chuyển giao công nghệ phù hợp với mục tiêu quốc gia.

- Thúc đẩy các hoạt động trao đổi giảng viên và sinh viên, đưa Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội thành điểm đến làm việc của chuyên gia quốc tế và điểm đến học tập cho sinh viên quốc tế.

2.1.7. Hệ thống thông tin thư viện

Nâng cấp Trung tâm Thông tin Thư viện kang trang, hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu thông tin của cán bộ, viên chức, người học, xứng tầm là một trung tâm tri thức.

2.1.8. Cơ sở vật chất hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu chất lượng cao

Sử dụng tốt, hiệu quả cơ sở của trường tại Km10 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Khai thác cơ sở của Nhà trường tại

Xuân Hòa, Vĩnh Phúc nhằm mục đích duy trì các giá trị văn hóa, truyền thống, thương hiệu của trường. Có một cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tốt, phục vụ cho việc đào tạo và NCKH, mỗi cán bộ và sinh viên đều có một tài khoản điện tử truy cập nội bộ.

Xây dựng cơ chế xã hội hóa trong xây dựng cơ sở vật chất nhằm khai thác tối đa sự hỗ trợ của các doanh nghiệp là đối tác của các Khoa và Nhà trường.

2.1.9. Tạo được nguồn lực tài chính bền vững

Tạo được nguồn lực tài chính bền vững ngoài ngân sách Nhà nước đáp ứng cơ bản yêu cầu xây dựng và phát triển trường đạt chuẩn quốc tế.

Tổng kinh phí thu bổ sung từ hoạt động đào tạo, NCKH&CN dành cho sự nghiệp phát triển trường đạt 60-65% ngân sách nhà nước cấp thường xuyên.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2035

Từ việc xây dựng chiến lược phát triển Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội đến năm 2025, Nhà trường định hướng phát triển Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội đến năm 2035 như sau:

Về tổ chức và quản lý:

- Duy trì và ổn định hệ thống, định hướng phát triển giáo dục theo lộ trình quốc gia và hội nhập khu vực, quốc tế.

- Hoàn thành việc xây dựng cơ cấu tổ chức khối đào tạo theo hướng phù hợp với mô hình University theo thông lệ quốc tế với cấu trúc đổi mới với các trường (School) trực thuộc để thích ứng với mô hình tự chủ toàn diện và hội nhập quốc tế.

Về đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu viên:

- Đảm bảo cả về số lượng và chất lượng đáp ứng quy mô và yêu cầu đào tạo. Giảng viên cơ hữu và nghiên cứu viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ chiếm ít nhất 35% tổng số giảng viên, nghiên cứu viên.

- Đảm bảo quy định về số sinh viên/ giảng viên ở tất cả các Khoa.

Về đào tạo, quy mô đào tạo:

- Đảm bảo 100% các chương trình đào tạo được đánh giá chất lượng.

- Mở mới 06 mã đào tạo trình độ đại học và 05 mã ngành đào tạo trình độ sau đại học.

Về người học: Thu hút được thêm nhiều sinh viên nước ngoài vào học tại trường. Sinh viên một số chuyên ngành đủ chuẩn học sau đại học tại các nước khu vực Đông Nam Á và quốc tế.

Về khoa học công nghệ: Giảng viên dành ít nhất 50% tổng số thời gian cho nghiên cứu khoa học; ít nhất 80% giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu có bài bài, công trình công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước hàng năm. Tiếp tục tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Về hợp tác quốc tế: Tăng cường tham gia các đề án, dự án khoa học công nghệ, học thuật cấp quốc tế; có thứ hạng trên bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới như QS.

Về cơ sở vật chất: Hiện đại hóa cơ sở vật chất đáp ứng chuẩn quốc tế; thỏa mãn yêu cầu kỹ thuật và công nghệ của cuộc cách mạng 4.0.

Về tài chính: Tự chủ hoàn toàn tài chính, đầu tư cho con người và cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu phát triển của trường.

III. GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

1. Đổi mới công tác tư tưởng, tổ chức, quản lý theo hướng quản trị đại học, xây dựng văn hóa chất lượng

Phát huy vai trò của Đảng bộ Nhà trường, sự năng động và sáng tạo của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể nhằm đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng làm cho tất cả CBVCNLD, học viên, sinh viên hiểu rõ về sứ mệnh, tầm nhìn của trường, thấu hiểu những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của Nhà trường trong giai đoạn mới để cùng chung sức phát triển Nhà trường.

Kiến toàn bộ máy quản lý theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, đổi mới công tác quản lý, xây dựng văn hoá chất lượng, văn hoá chuyên nghiệp, tạo dựng môi trường thân thiện trong các hoạt động của Nhà trường. Thực hiện 3 công khai theo sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý.

2. Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả tổ chức, quản lý

Tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức, sắp xếp tổ chức bộ máy đúng theo chủ trương của Đảng, của Bộ Xây dựng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và theo các quy định của pháp luật; đồng thời đáp ứng các nhiệm vụ và yêu cầu phát triển từng giai đoạn của Nhà trường.

Triển khai việc xây dựng đề án vị trí việc làm của trường theo Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ; các văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng và thực tế tình hình của trường.

3. Đổi mới mô hình tổ chức đào tạo

Trước mắt ổn định mô hình tổ chức hiện nay với cơ cấu tổ chức các đơn vị, củng cố và nâng cao hiệu quả của các đơn vị. Chú trọng củng cố và phát triển các đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học hiện có: Viện Đào tạo mở; Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế; Viện Kiến trúc Nhiệt đới; Viện Công nghệ Kiến trúc, Xây dựng và Đô thị; Viện Đào tạo và ứng dụng Khoa học Công nghệ; khoa Lý luận chính trị nhằm thực hiện tốt các chương trình đào tạo chung cho các trường trực thuộc.

Tách khoa Nội thất và Mỹ thuật công nghiệp thành hai Khoa.

Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ bộ môn. Tiến hành nghiên cứu, rà soát, đề xuất lại cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các Bộ môn, cụ thể:

- Mỗi Bộ môn phải có tối thiểu từ 6 người trở lên.
- Bổ sung giảng viên; Trưởng, Phó Bộ môn cho các Bộ môn đang thiếu người (nếu cần).

Xây dựng cơ cấu tổ chức khối đào tạo theo hướng phù hợp với mô hình University theo thông lệ quốc tế với cấu trúc đổi mới với các trường (School), cụ thể như sau:

- Trường Kiến trúc và Quy hoạch: Với hai Khoa chính là khoa Kiến trúc và khoa Quy hoạch; quản lý và thực hiện 5 chương trình đào tạo: Kiến trúc, Quy hoạch, Kiến trúc cảnh quan, Thiết kế đô thị và Bảo tồn di sản Kiến trúc và Đô thị.

- Trường Xây dựng: Với hai Khoa là khoa Xây dựng dân dụng công nghiệp và khoa Kỹ thuật Hạ tầng và Môi trường Đô thị; quản lý và thực hiện các ngành học: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, Công trình ngầm, Vật liệu xây dựng, Kỹ thuật hạ tầng, Cấp và thoát nước, Môi trường đô thị, Kỹ thuật công trình giao thông.

- Trường Quản lý và Kinh tế xây dựng: Với hai Khoa là khoa Quản lý đô thị và khoa Kinh tế; quản lý các chương trình đào tạo: Quản lý xây dựng, Quản lý dự án xây dựng, Bất động sản, Kinh tế xây dựng.

- Trường Mỹ thuật ứng dụng: Với hai Khoa là khoa Thiết kế Nội thất và khoa Mỹ thuật ứng dụng; quản lý các ngành học: Thiết kế Nội và Ngoại thất, Thiết kế Đồ họa, Thiết kế Thời trang, Điêu khắc.

- Trường Mỹ thuật Công nghệ: Với hai Khoa là khoa Công nghệ thông tin và khoa Công nghệ Kiến trúc và Xây dựng; quản lý các ngành học: Công nghệ thông tin, Truyền thông đa phương tiện, Công nghệ Kiến trúc, Công nghệ Xây dựng.

- Viện đào tạo sau đại học: Quản lý đào tạo các chương trình đào tạo bậc sau đại học từ Thạc sỹ và Tiến sỹ cho các chuyên ngành của trường: Kiến trúc, Quy hoạch, Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, Quản lý đô thị và công trình, Kỹ thuật hạ tầng đô thị, Mỹ thuật ứng dụng, Kinh tế xây dựng, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật công trình giao thông.

- Trường đào tạo quốc tế đa ngành: Với nền tảng là Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế và các ngành Kiến trúc, Quy hoạch, Cảnh quan, Môi trường, Công nghệ thông tin và các giảng viên Việt Nam và quốc tế được tổ chức theo từng nhóm chuyên môn theo mô hình quốc tế để tạo thuận lợi cho công tác đào tạo liên thông quốc tế.

4. Nâng cao chất lượng đào tạo

4.1. Quy mô đào tạo và các ngành đào tạo

Ổn định quy mô đào tạo. Mở rộng một số mã ngành đào tạo mới.

- Mở rộng một số mã ngành mới đối với hệ đào tạo đại học chính quy:

+ Đối với khối ngành Kiến trúc - Quy hoạch: Nghiên cứu mã ngành Bảo tồn di sản Kiến trúc; Công nghệ kỹ thuật Kiến trúc; Thiết kế đô thị.

+ Đối với khối ngành Nghệ thuật: Nghiên cứu mã ngành Mỹ thuật đô thị; Tạo dáng công nghiệp.

+ Đối với khối ngành Xây dựng: Mở mã ngành Quản lý dự án xây dựng.

+ Đối với khối ngành Quản lý và Kinh tế: Nghiên cứu mã ngành Quản lý kinh doanh Bất động sản; Quản lý kinh tế; Kinh tế đầu tư phát triển; Quản lý quy hoạch.

+ Đối với khối ngành Công nghệ thông tin: Nghiên cứu mã ngành An Toàn Thông tin; Truyền thông đa phương tiện; Khoa học máy tính; Tin học ứng dụng (Diễn họa Kiến trúc-Quy hoạch, Xây dựng, Quản lý BIM...).

+ Một số chuyên ngành đào tạo Kiến trúc sư, kỹ sư, cử nhân tài năng để phát triển các ngành mũi nhọn.

- Mở rộng một số mã ngành mới đối với hệ đào tạo sau đại học: Kinh tế xây dựng; Mỹ thuật ứng dụng; Công nghệ kiến trúc; Công nghệ thông tin và Vật liệu xây dựng.

Đa dạng hóa các loại hình đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội:

- Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo hệ đại học liên kết với các trường đại học có uy tín cùng chuyên ngành trên thế giới và khu vực; kiến tạo một hệ thống mạng lưới đào tạo liên kết quốc tế.

- Xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu của doanh nghiệp, người sử dụng lao động và địa phương theo phương thức hợp tác và đặt hàng.

- Xây dựng và triển khai phương thức đào tạo gắn với công nghệ tiên tiến Video conferent. Hoàn thiện phương thức dạy học online.

- Xây dựng quy trình và đổi mới phương thức triển khai hệ đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo liên thông đáp ứng yêu cầu xã hội.

4.2. Đổi mới nội dung chương trình đào tạo

Điều chỉnh và cơ cấu lại chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện Việt nam, có cấu trúc hợp lý, mục tiêu cụ thể, có tính liên thông, đáp ứng tốt yêu cầu của trình độ đào tạo, nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động.

Sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn của chuẩn đầu ra đối với tất cả các chương trình đào tạo hệ đại học chính quy, đảm bảo đạo đức, trách nhiệm, giá trị cốt lõi của người học sau khi tốt nghiệp để trở thành công dân toàn cầu thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Đổi mới nội dung chương trình đào tạo các ngành để nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng:

- Tăng cường khả năng tiếp cận với thực tiễn để giúp người học có khả năng cao khi tiếp cận với những vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Tăng cường khả năng hội nhập quốc tế cho các chương trình đào tạo với quan điểm cung cấp lực lượng lao động có trình độ cao sau đào tạo không chỉ cho thị trường lao động Việt Nam mà còn cho khu vực ASEAN và quốc tế.

- Tăng cường khả năng liên kết giữa các khối kiến thức để sinh viên có khả năng vận dụng linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tiễn. Cần có trung tâm dữ liệu các bài đồ án của sinh viên K, Q, NT để sinh viên điều khác có thể lấy dữ liệu làm đồ án điều khác ứng dụng.

- Tăng cường khả năng liên thông ngang giữa các chương trình đào tạo các ngành học trong cùng khối cũng như các khối với nhau và liên thông dọc giữa các cấp học cho các ngành đào tạo để hướng tới bối cảnh triển khai chương trình đào tạo khoa học, linh hoạt và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học.

Tiếp tục đổi mới nội dung chương trình và thời gian đào tạo cho các chương trình liên kết: Chương trình tiên tiến ngành Kiến trúc; Cử nhân Kiến trúc DEEA;...

Xây dựng và đổi mới nội dung chương trình đào tạo các ngành hệ vừa học vừa làm theo học chế tín chỉ.

Nâng cao năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên thông qua các chương trình đào tạo mở rộng lấy chứng chỉ và công nhận liên thông.

4.3. Đổi mới phương pháp đào tạo

Tăng cường việc đổi mới phương pháp giảng dạy đại học cho các chuyên ngành đào tạo theo học chế tín chỉ với tiêu chí “Lấy người học làm trung tâm” tăng cường khả năng tự học của sinh viên. Xây dựng các phương pháp đào tạo tăng cường tính đa dạng và chuyên biệt cho các ngành đào tạo.

Gắn chặt việc đổi mới giáo trình và phương pháp giảng dạy của giảng viên với thay đổi phương pháp học của sinh viên; đổi mới triệt để phương pháp giảng dạy, chú trọng rèn luyện kỹ năng cho sinh viên.

Đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật công nghệ số trong đào tạo.

Tăng cường giao lưu trong nước và quốc tế với các trường đại học có chất lượng thông qua các chương trình Workshop, Hội thảo, các chương trình học ngoại khóa và các cuộc thi trong nước và quốc tế.

Đổi mới và hoàn thiện công nghệ đào tạo ngành Kiến trúc, Quy hoạch theo xưởng, theo hướng gắn hệ thống đồ án Kiến trúc, Quy hoạch với hệ thống lý thuyết và thực tiễn. Xây dựng công nghệ đào tạo ngành Thiết kế Nội thất theo Xưởng và mô hình lớp chất lượng cao.

Lập và triển khai kế hoạch đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, hướng đến hoàn thành chỉ tiêu của Bộ GD&ĐT đến năm 2025 có 50% các chương trình đào tạo được đánh giá và đến năm 2035 là 100%.

Xây dựng phần mềm quản lý sinh viên trên giảng đường.

4.4. Đổi mới công tác tuyển sinh

Cải tiến công tác tuyển sinh theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, thiết thực, đảm bảo quyền lợi công bằng cho thí sinh; Rà soát, hoàn thiện quy chế tuyển sinh đặc thù cho các ngành năng khiếu đảm bảo mục tiêu phân loại thí sinh chính xác và nâng cao chất lượng đầu vào.

Xây dựng bộ phận truyền thông tạo hình ảnh chuyên nghiệp cho Nhà trường.

5. Phát triển nguồn nhân lực

Làm tốt công tác hoạch định nguồn nhân lực. Quy hoạch đội ngũ phù hợp với yêu cầu phát triển đến năm 2025 và 2035 về chất lượng và quy mô.

Đổi mới và hoàn thiện công tác tuyển dụng:

- Tuyển dụng có kế hoạch giảng viên và cán bộ khoa học theo nhu cầu phát triển đào tạo, NCKH-CGCN, ưu tiên tuyển dụng cán bộ đã trải qua thực tiễn, có trình độ sau đại học và những cán bộ tốt nghiệp đại học, sau đại học tại các nước phát triển và người có trình độ ngoại ngữ cao.

- Hoàn thiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; xây dựng chính sách, cơ chế thu hút và sử dụng các nhà khoa học người nước ngoài, Việt kiều, cán bộ trẻ được đào tạo ở nước ngoài về tham gia giảng dạy tại trường.

Đa dạng hóa công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ:

- Xây dựng được mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực và NCKH chất lượng cao phù hợp với cuộc cách mạng 4.0 và nguồn nhân lực các ngành nghề mới, đặc biệt chú ý tới phẩm chất, năng lực, tính thích ứng với thị trường lao động.

- Lập kế hoạch đào tạo trong nước và quốc tế, tận dụng các chương trình đào tạo cán bộ ở nước ngoài của chính phủ để cử cán bộ trẻ đi học; đặc biệt đối với nghiên cứu sinh.

- Tăng cường cử giảng viên, cán bộ quản lý ra nước ngoài học tập, giảng dạy và nghiên cứu; Tạo cơ chế thuận lợi để chuyên gia các nước làm việc, giảng dạy, nghiên cứu tại trường để giảng dạy và nghiên cứu nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ của trường có cơ hội tiếp cận và hòa nhập trình độ khoa học kỹ thuật của khu vực và thế giới. Khai thác tối đa các quan hệ hợp tác quốc tế để đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ.

- Chuẩn hoá đội ngũ cán bộ quản lý khoa học công nghệ của trường và các đơn vị, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ thường xuyên thông qua các khoá đào tạo trong và ngoài nước; Chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao cho hoạt động hợp tác quốc tế.

Tăng cường các biện pháp sử dụng và đãi ngộ hợp lý đối với người lao động. Nâng cao chất lượng cuộc sống của đội ngũ thông qua việc tạo các

công việc có thu nhập cao, cải thiện môi trường làm việc thân thiện, áp dụng các chính sách mang lại cơ hội phát triển và cống hiến cho đội ngũ.

6. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác Khoa học công nghệ

Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển KHCN trong giai đoạn 2020-2025.

Tiếp tục từng bước hoàn thiện các khâu quản lý công tác KHCN của Nhà trường theo hướng có sản phẩm đầu ra rõ ràng, kết hợp NCKH với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn - nghiệp vụ của đội ngũ đi đôi với thực hiện nhiệm vụ chung của Nhà trường. Đẩy mạnh hợp tác NCKH với các đơn vị ngoài trường, trong nước và quốc tế, giữa các đơn vị trong trường và giữa các cá nhân trong một đơn vị.

Phát triển nguồn lực khoa học công nghệ với kế hoạch xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh về các thế mạnh của Nhà trường, kết hợp với đầu tư, nâng cấp hệ thống các phòng thí nghiệm và kiểm định đạt chuẩn, xây dựng forum khoa học công nghệ làm nơi tập hợp, trao đổi chuyên môn, thông tin khoa học công nghệ...

Xây dựng các phòng Lab công nghệ mô phỏng (Lab nghiên cứu) phục vụ đào tạo theo hướng hiện đại với các chuyên gia đầu ngành đứng phụ trách, kết nối chặt chẽ với các nhóm nghiên cứu mạnh.

Tập trung khuyến khích đầu tư nghiên cứu và công bố quốc tế các lĩnh vực khoa học cơ bản; có bộ phận kết nối và hỗ trợ các công bố, hợp tác quốc tế trước hết là các bài báo khoa học.

7. Mở rộng và nâng cao hiệu quả Hợp tác Quốc tế

Tăng cường ký kết và triển khai thực hiện các văn bản hợp tác với các trường đại học, các tổ chức quốc tế, nâng cao chất lượng HTQT ở tất cả các khâu, các mặt nhằm tranh thủ sự hỗ trợ tối đa của các tổ chức, cơ quan nước ngoài; Rà soát các quan hệ hợp tác quốc tế để nâng cao hiệu quả các quan hệ hợp tác hiện có, đồng thời có căn cứ để lựa chọn và tìm kiếm các đối tác chiến lược; Phân nhóm các mối quan hệ và xây dựng chính sách cụ thể cho từng nhóm.

Đa phương hoá, đa dạng hoá các loại hình hợp tác; ưu tiên hợp tác với các trường đại học và các tổ chức quốc tế có quan hệ truyền thống là những

trường, cơ quan đã được các tổ chức quốc tế đánh giá có uy tín về chất lượng giáo dục tốt cũng như về tính cập nhật thời đại.

Hoàn thiện chương trình liên kết đào tạo quốc tế dài hạn đạt chuẩn quốc tế, chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, hoàn thiện cơ sở vật chất theo hướng giảng dạy trực tiếp và trực tuyến, xây dựng cơ sở dữ liệu và đội ngũ cố vấn học tập phục vụ người học.

Phát triển liên kết đào tạo ngắn hạn gắn với nhu cầu xã hội, thế mạnh của Nhà trường và đơn vị dưới nhiều hình thức đa dạng, cung cấp kiến thức chuyên ngành bổ sung cũng như cập nhật tình hình chuyên ngành thực tiễn cho các đối tượng liên quan.

Phát triển các dự án hợp tác NCKH và CGCN nhằm nâng cao uy tín và thương hiệu của Nhà trường. Các dự án mới liên quan tới mọi chuyên ngành của Nhà trường, khai thác tối đa cơ sở vật chất và kiến thức chuyên môn của các nhà khoa học và giảng viên.

Tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế chuyên ngành, trở thành địa điểm trao đổi học thuật hàng năm.

Đổi mới phương thức và quản lý các hoạt động HTQT theo hướng thu về một đầu mối, chuyên nghiệp hóa sẽ tạo điều kiện phát triển và đa dạng hóa các hoạt động cũng như tạo nền tảng cho những bước phát triển tiếp theo, tăng khả năng cạnh tranh của Nhà trường.

Phát triển công tác tư vấn du học và việc làm cho sinh viên nhằm tạo đầu ra cho sinh viên, tạo nguồn thu nhập cho Nhà trường.

8. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, hiện đại hoá cơ sở vật chất

8.1. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất

Quy hoạch, đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa phòng học, phòng làm việc, xưởng đồ án, cảnh quan sân vườn; mua sắm trang thiết bị đảm bảo đáp ứng đầy đủ yêu cầu dạy và học, yêu cầu phát triển của trường, thông qua việc triển khai các dự án sau:

- Dự án Xây dựng mới Nhà đa năng 20 tầng (01 tầng hầm).

- Dự án Trung tâm dữ liệu, số hóa cơ sở dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật mạng internet không dây.

- Dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng, cải tạo sửa chữa, bổ sung trang thiết bị: Cải tạo nội thất, trang thiết bị nhà học, nhà làm việc.

8.2. Nâng cao năng lực tài chính

Huy động trí tuệ tập thể và nguyên tắc tập trung dân chủ hoàn thiện phương án tự chủ tài chính. Thực hiện có hiệu quả hơn nữa cơ chế tự chủ tài chính.

Tiếp tục thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động.

Quản lý tốt các nguồn kinh phí, xây dựng dự toán thu, chi hoạt động sự nghiệp sát với các nhiệm vụ và tình hình cụ thể của trường.

Chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ về quản lý tài chính hiện hành: Nhà trường thực hiện nghiêm chỉnh quy chế công khai tài chính theo quy định.

Tiếp tục áp dụng các biện pháp mở rộng nguồn thu, tăng cường tích lũy và nâng cao thu nhập cho người lao động; nâng cao hiệu quả công tác tài chính trong việc thực hiện quyền tự chủ tài chính. Giao nhiệm vụ và tăng trách nhiệm cũng như quyền chủ động, tạo cơ chế thông thoáng gọn nhẹ, hiệu quả để các Khoa huy động đóng góp của doanh nghiệp, đề xuất sáng kiến tạo nguồn thu thông qua hợp tác với doanh nghiệp.

Tăng cường sự hợp tác, tài trợ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Nhà trường thông qua các chương trình, dự án hợp tác và trao học bổng khuyến khích cho sinh viên.

9. Nâng cao hiệu quả của hoạt động lao động sản xuất và dịch vụ

Phát triển lao động sản xuất và nâng cao năng lực cho các đơn vị sản xuất trong Nhà trường nhằm phục vụ cho mô hình phát triển Nhà trường trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng trong các lĩnh vực Kiến trúc, xây dựng, kỹ thuật hạ tầng và phát triển đô thị tại Việt Nam. Với những giải pháp sau:

- Phát huy sức mạnh tập thể, đoàn kết để phát triển, khai thác tối đa chất xám của các nhà khoa học, giảng viên của các chuyên ngành tại các Khoa và Nhà trường.

- Đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý kinh doanh.

- Phát huy các lĩnh vực hoạt động truyền thống. Đa dạng hoá trong lĩnh vực hoạt động, phát triển các hoạt động dịch vụ.

- Thực hành tiết kiệm.

- Bám sát những diễn biến của tình hình phát triển kinh tế, phát triển quan hệ hợp tác tận dụng các cơ hội để khai thác và phát triển. Sáp nhập các đơn vị sản xuất của Nhà trường thành Trung tâm Kiến trúc - Xây dựng, Trung tâm phát triển Quy hoạch và công trình Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

10. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và của các tổ chức đoàn thể

- Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng:

Củng cố và phát huy mô hình tổ chức cơ sở Đảng theo hai cấp: Đảng bộ và các chi bộ trực thuộc; Đẩy mạnh thực hiện tập trung dân chủ; Hoàn thiện Quy chế làm việc của Đảng uỷ; Đổi mới phương thức và nội dung hoạt động của chi bộ; Tăng cường công tác kiểm tra, tự kiểm tra - giám sát.

- Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể:

Củng cố và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động, tạo điều kiện để các tổ chức đoàn thể phát huy tốt vai trò, hoạt động trong khuôn khổ Điều lệ của tổ chức, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Chiến lược phát triển Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn 2035 được thực hiện và cụ thể hóa thành kế hoạch, nhiệm vụ năm học của Nhà trường; được phổ biến rộng rãi đến từng phòng, khoa và các đơn vị trong toàn trường. Tổ chức thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển đến năm 2025, tầm nhìn 2035 là nhiệm vụ trọng tâm của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

Các đơn vị trong trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học của đơn vị mình trên cơ sở kế hoạch, nhiệm vụ chung của Nhà trường và tổ chức triển

khai thực hiện kế hoạch đề ra. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên chủ động, sáng tạo xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá việc thực hiện Chiến lược (vào dịp tổ chức hội nghị CBVC và tổng kết năm học), trên cơ sở đó xác định, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu của Nhà trường trong năm học tiếp theo cho phù hợp với thực tiễn.

Đến năm 2025 sẽ tổ chức đánh giá toàn diện Chiến lược phát triển của Nhà trường, làm căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển cho giai đoạn tiếp theo.

HIỆU TRƯỞNG

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do xây dựng Chiến lược	1
2. Mục tiêu xây dựng Chiến lược	1
3. Nhiệm vụ xây dựng Chiến lược	2
PHẦN NỘI DUNG	3
I. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI.....	3
1. Sứ mạng	3
2. Tầm nhìn	3
3. Giá trị cốt lõi	3
II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC.....	4
1. Mục tiêu	4
2. Nhiệm vụ	4
2.1. Chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực đến năm 2025.....	4
2.2. Tầm nhìn đến năm 2035.....	8
III. GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC.....	9
1. Đổi mới công tác tư tưởng, tổ chức, quản lý theo hướng quản trị đại học, xây dựng văn hóa chất lượng	9
2. Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả tổ chức, quản lý	10
3. Đổi mới mô hình tổ chức đào tạo	10
4. Nâng cao chất lượng đào tạo	11
4.1. Quy mô đào tạo và các ngành đào tạo.....	12
4.2. Đổi mới nội dung chương trình đào tạo	13
4.3. Đổi mới phương pháp đào tạo.....	14
4.4. Đổi mới công tác tuyển sinh	14
5. Phát triển nguồn nhân lực	14
6. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác Khoa học công nghệ	16
7. Mở rộng và nâng cao hiệu quả Hợp tác Quốc tế	16
8. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, hiện đại hoá cơ sở vật chất	17
8.1. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất.....	17
8.2. Nâng cao năng lực tài chính.....	18
9. Nâng cao hiệu quả của hoạt động lao động sản xuất và dịch vụ	18
10. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và của các tổ chức đoàn thể	19
IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ.....	19
Phụ lục: Cơ sở pháp lý xây dựng kế hoạch chiến lược	22

Phụ lục: Cơ sở pháp lý xây dựng kế hoạch chiến lược

Quyết định số 181/CP ngày 17/9/1969 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc;

Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020”.

Quyết định số 1215/QĐ-BGDĐT ngày 04/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình hành động của ngành giáo dục thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2011-2020, Kết luận số 51-KL/TW ngày 29/10/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Luật Khoa học Công nghệ số 29/2013/QH2013 ngày 18/6/2013 của Quốc hội và Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học Công nghệ.

Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập.

Quyết định số 88/QĐ-BXD ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Quyết định số 382/QĐ-ĐHKT-TH ngày 23/4/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Chiến lược phát triển trường đại học Kiến trúc Hà Nội giai đoạn 2011-2020.

Thực trạng của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội và kết quả tự đánh giá ngoài năm 2017 và đánh giá giữa kỳ năm 2020.